

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 559 / QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 22 tháng 4 năm 2014

### QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển nguồn kinh phí có mục tiêu ngân sách huyện  
năm 2013 sang năm 2014 để thực hiện nhiệm vụ chi

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/ 11/ 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/ 2002/ QH<sub>11</sub> ngày 16/ 12/ 2002;

Căn cứ Thông tư số 59/ 2003/ TT-BTC ngày 23/ 6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/ 6/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2013; Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu phát triển năm 2013 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho huyện và nguồn vốn huyện quản lý,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Công văn số 37/PTCKH ngày 21/4/2014,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chi chuyển nguồn các khoản kinh phí có mục tiêu năm 2013 sang năm 2014 để thực hiện nhiệm vụ chi, với tổng số tiền là: **140.678.157.339 đồng** (Một trăm bốn mươi tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi chín đồng), cụ thể như sau:

- Chuyển nguồn vốn đầu tư : 83.453.823.312 đồng;
- Chuyển nguồn vốn mục tiêu của tỉnh : 16.170.251.931 đồng;
- Chuyển nguồn kinh phí thực hiện CCTL : 19.488.898.946 đồng;
- Chuyển nguồn dự phòng chi : 17.254.680.150 đồng;
- Chuyển nguồn tiết kiệm KCLP( 2010+2013): 4.310.503.000 đồng.

( Có phụ lục kèm theo)

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

Giao Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện chi chuyển nguồn và theo dõi kinh phí nói trên đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.



*Handwritten signature*

**Điều 3 .** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký .

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu : VT .



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Lộc**



## BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM 2013 SANG 2014

( Kèm theo Quyết định số 559 /QĐ-UBND ngày 22 /4/2014 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I</b>	<b>NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>	
<b>A</b>	<b>Chuyển nguồn tiền sử dụng đất</b>	<b>78.670.836.292</b>
<b>a</b>	<b>Ban Quản lý Dự án đề nghị chuyển nguồn các công trình với tổng số tiền</b>	<b>12.558.777.000</b>
1	Trả nợ quyết toán	1.101.205.000
2	Đường vành đai Đông Bắc Tuy Phước	6.255.788.000
3	Chợ Điều Trị	2.800.000.000
4	Rãnh thoát nước dọc đường G. Bôi-B. Định	23.133.000
5	Đê sông Kôn (đoạn hạ lưu tràn 3 xã)	200.000.000
6	Đê Biên hạ lưu đập ngăn mặn Bàu Dừa (đoạn phía Bắc HL cầu Trường Úc)	28.500.000
7	Gia cố đê sông Hà Thanh (GDII)	100.000.000
8	Đê thượng lưu cầu Vạn - Phước Hòa	10.520.000
9	Đê Nam hạ lưu đập Cát - Phước Sơn	27.500.000
10	Trường THCS Phước Thuận (Nhà BM)	236.069.000
11	Trường TH số 2 Phước Thành (2T,6P)	1.261.000
12	HT điện trang trí khu vực T.tâm huyện lỵ	15.054.000
13	Nâng cấp mở rộng ĐT640 (Ngã ba Ông Đò-TT.Tuy Phước)	500.000.000
14	Di dân dân vùng ngập lũ Huỳnh Giản	646.146.000
15	Nâng cấp tuyến đường ĐT636B	1.510.000
16	Kè chống sạt lở đê sông Hà Thanh (đoạn P.Thạnh - P.Thành) GD1	85.076.000
17	Đê sông Gò Chàm (Cầu Sắt-cầu Ông Quê)	28.955.000
18	Đê biên hạ lưu đập Nha Phu (GD1)	156.849.000
19	Đê sông Kôn (đoạn TL cầu Lộc Thượng)	341.211.000
<b>b</b>	<b>Còn lại UBND huyện bố trí trong năm 2014 (đã bố trí 50.950rd)</b>	<b>66.112.059.292</b>
<b>II</b>	<b>NGUỒN VỐN THEO QĐ 28/QĐ-UBND CỦA TỈNH</b>	<b>1.814.062.000</b>
<b>a</b>	<b>Ban quản lý</b>	<b>96.478.000</b>
1	Năm trước còn lại	40.647.000
2	Đê Nam Thượng lưu cầu Tuấn Lễ	54.102.000
3	Kè chống xói lở đê sông Kôn (đoạn thượng, hạ lưu cầu Tuấn Lễ)	1.729.000
<b>b</b>	<b>Phòng Tài chính</b>	<b>1.717.584.000</b>
1	Ứng dụng KHCN	337.000.000
2	Dự án nâng cấp đê Đông và trồng rừng ngập mặn đầm Thị nại	1.200.000.000
3	Nâng cấp cải tạo kênh tưới phục vụ SX rau, lúa thôn Luật chánh, P.Hiệp (DA cạnh tranh nông nghiệp)	1.584.000
4	Dự án nguồn lợi ven bờ vì sự nghiệp bền vững	63.000.000
5	Sửa chữa Đường ĐT636B (Gò Bôi - Bình Định)	116.000.000

<b>III</b>	<b>NGUỒN ĐÓNG GÓP CSHT CỤM CN PHƯỚC AN</b>	<b>2.968.925.020</b>
<b>IV</b>	<b>NGUỒN VỐN MỤC TIÊU CỦA TỈNH</b> ( không tính các khoản thu đã chi hết trong năm)	<b>16.170.251.931</b>
1	Kinh phí an toàn giao thông	566.527.731
2	Vốn vay NHPTVN để hỗ trợ GTNH và KCH ( P.Son, An, Hiệp)	703.862.000
3	Hỗ trợ tiền điện năm 2012	16.350.000
4	Hỗ trợ kinh phí thực hiện CTMTQG giáo dục (00121)	5.505.000
5	Hỗ trợ kinh phí thực hiện CTMTQG giáo dục (00118)	99.244.000
6	Hỗ trợ KP thực hiện CS theo ND 67, 13, 06	5.442.726.050
7	Hỗ trợ thực hiện điều chỉnh mức thu học phí 2010	297.970.000
8	Hỗ trợ kế hoạch xây dựng nhà ở cho hộ nghèo ( Ban cứu trợ tỉnh)	411.000.000
9	Hỗ trợ chi phí học tập theo qui định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP	541.867.250
10	Kinh phí xoá mù mù mấu giáo 5 tuổi và phổ cập THCS ( mã CTMTQG 0011)	184.585.900
11	Hỗ trợ KP thực hiện theo ND 42	6.828.134.000
12	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3 và 4 tuổi	1.072.480.000
<b>V</b>	<b>NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG</b>	<b>19.488.898.946</b>
<b>VI</b>	<b>NGUỒN DỰ PHÒNG CHI</b>	<b>17.254.680.150</b>
<b>VII</b>	<b>10% tiết kiệm kiểm chế lạm phát 2011+2013</b>	<b>4.310.503.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>140.678.157.339</b>

